



Everpia JSC
 Head office and factory:
 Dương Xá, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam
 Tel: (84-4) 3827 6490 Fax: (84-4) 327 6492

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 29072024-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024
 Ha Noi, 29th July 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
 TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
 ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
 SGDC TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
 STATE SECURITIES COMMISSION'S
 PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
 EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
 - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae
- Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý 2 năm 2024.
Separated and consolidated financial report for the 2nd quarter of 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2024 tại đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh.aspx>

This information was disclosed on Company's website on 29/07/2024, as in the link: <http://www.everpia.vn/everon/ir/financial-statement.aspx>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện tổ chức
Organization representative
 Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information



Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	3-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6-7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8-9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10-40

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		736,182,487,314	769,187,648,591
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	34,252,418,671	37,295,304,064
111 1. Tiền		12,481,054,470	35,449,650,599
112 2. Các khoản tương đương tiền		21,771,364,201	1,845,653,465
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	234,371,369,509	220,251,937,241
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		234,371,369,509	220,251,937,241
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		151,880,762,035	181,327,623,237
131 1. Phải thu khách hàng	6	131,195,798,628	167,122,003,180
132 2. Trả trước cho người bán	6	16,695,980,185	9,806,656,928
136 3. Các khoản phải thu khác	7	33,558,359,146	33,145,959,626
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(29,569,375,924)	(28,746,996,497)
140 IV. Hàng tồn kho	9	309,824,230,994	325,207,900,646
141 1. Hàng tồn kho		340,553,873,518	357,320,746,114
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(30,729,642,524)	(32,112,845,468)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		5,853,706,105	5,104,883,403
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2,049,572,699	3,171,222,115
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	3,804,133,406	1,933,661,288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)		552,892,890,832	572,336,904,227
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		2,605,726,629	3,092,726,629
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	2,605,726,629	3,092,726,629
220 II. Tài sản cố định		320,852,796,369	337,600,105,526
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	320,722,271,839	337,333,757,244
222 - Nguyên giá		754,830,489,972	758,878,180,005
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(434,108,218,133)	(421,544,422,761)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	130,524,530	266,348,282
228 - Nguyên giá		41,013,062,876	41,013,062,876
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(40,882,538,346)	(40,746,714,594)
242 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,019,733,800	1,019,733,800
250 III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	63,281,249,521	63,281,249,521
251 1. Đầu tư vào công ty con		74,285,000,000	74,285,000,000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,590,390,000	11,590,390,000
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4,974,200,000	4,974,200,000
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27,568,340,479)	(27,568,340,479)
260 IV. Tài sản dài hạn khác		165,133,384,513	167,343,088,751
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	143,716,073,960	146,002,881,797
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.1	21,417,310,553	21,340,206,954
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		1,289,075,378,146	1,341,524,552,818

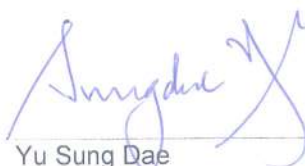
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		30/06/2024	01/01/2024
300 A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		327,663,554,917	346,133,339,012
310 I. Nợ ngắn hạn		232,903,992,822	229,373,776,917
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	43,928,872,771	50,319,555,468
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	11,723,178,340	19,186,940,891
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4,576,011,244	6,876,649,113
314 4. Phải trả người lao động		17,596,158,421	23,583,401,818
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1,228,366,591	832,302,286
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	16	902,310,676	752,946,612
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	152,949,094,779	127,821,980,729
330 II. Nợ dài hạn		94,759,562,095	116,759,562,095
336 1. Phải trả dài hạn khác	16	13,942,079,868	14,442,079,868
337 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	80,817,482,227	102,317,482,227
400 B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)		961,411,823,229	995,391,213,806
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	961,411,823,229	995,391,213,806
411 I. 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]		419,797,730,000	419,797,730,000
411a -Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419,797,730,000	419,797,730,000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		184,195,877,847	184,195,877,847
415 3. Cổ phiếu quỹ		-	-
420 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5,422,454,372	5,593,405,673
421 5. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế]		351,995,761,010	385,804,200,286
421a -Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		363,959,864,588	367,847,931,258
421b -Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này		(11,964,103,578)	17,956,269,028
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		1,289,075,378,146	1,341,524,552,818



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Người lập biểu
Kê toán trưởng



Yu Sung Dae

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2/Năm 2024	Quý 2/Năm 2023	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng	169,538,005,877	199,431,055,300	337,077,719,015	349,681,760,295
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(438,590,954)	(160,943,685)	(567,858,195)	(706,784,822)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	169,099,414,923	199,270,111,615	336,509,860,820	348,974,975,473
11	4. Giá vốn hàng bán	(118,615,201,824)	(142,599,130,828)	(228,997,644,214)	(244,908,280,424)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	50,484,213,099	56,670,980,787	107,512,216,606	104,066,695,049
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	4,617,732,121	21,478,257,662	10,913,253,206	29,547,512,329
22	7. Chi phí tài chính	(3,777,296,662)	(14,341,897,723)	(7,475,173,020)	(8,322,060,962)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(2,682,001,733)	(3,026,555,057)	(5,718,710,952)	(5,934,063,147)
24	8. Chi phí bán hàng	(41,348,505,786)	(35,688,877,795)	(78,831,770,151)	(75,259,750,331)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22,235,643,854)	(21,200,511,534)	(44,986,842,839)	(37,990,407,567)
30	10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	(12,259,501,082)	6,917,951,397	(12,868,316,198)	12,041,988,518
31	11. Thu nhập khác	423,131,262	625,509,794	1,204,681,659	697,434,448
32	12. Chi phí khác	(221,820,487)	(2,007,977)	(377,572,638)	(13,831,221)
40	13. Lợi nhuận khác	201,310,775	623,501,817	827,109,021	683,603,227
50	14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	(12,058,190,307)	7,541,453,214	(12,041,207,177)	12,725,591,745
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	(1,842,063,325)	-	(2,964,659,980)
52	16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1,119,331,337	(71,450,029)	77,103,599	(17,336,414)
60	17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10,938,858,970)	5,627,939,860	(11,964,103,578)	9,743,595,351

Công ty Cổ phần Everpia

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Người lập biểu
Kế toán Trưởng



Yu Sung Dae

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng 2024	6 tháng 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế		(12,041,207,177)	12,725,591,745
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02 Khấu hao tài sản cố định		12,699,619,124	13,340,560,456
03 (Hoàn nhập)/ Trích lập các khoản dự phòng		(560,823,517)	(15,968,393,509)
04 (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(929,475,101)	(1,009,818,392)
05 (Lãi) từ hoạt động đầu tư	20.2	(7,708,641,753)	(26,264,588,637)
06 Chi phí lãi vay	22	5,718,710,952	5,934,063,147
08 3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2,821,817,472)	(11,242,585,190)
09 Thay đổi các khoản phải thu		16,470,441,820	5,493,314,081
10 Thay đổi hàng tồn kho		16,766,872,596	(27,003,111,869)
11 Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(16,634,169,974)	10,107,660,816
12 (Tăng)/Giảm khoản chứng khoán kinh doanh		-	1,724,754,952
13 Thay đổi chi phí trả trước		3,408,457,253	59,629,354,831
14 Tiền lãi vay đã trả		(5,787,951,747)	(5,967,837,090)
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,642,487,147)	(11,930,718,031)
16 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,062,221,074)	(267,521,904)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7,697,124,255	20,543,310,596
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		996,209,393	(127,869,894,411)
22 Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1,885,498,989	537,272,727
23 Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(234,371,369,509)	(290,569,551,995)
24 Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		220,251,937,241	303,212,082,150
25 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16,755,475,908	25,258,468,823
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5,517,752,022	(89,431,622,706)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được		159,629,027,006	319,017,361,300
32 Tiền trả nợ gốc vay		(156,001,912,956)	(236,311,564,375)
33 Trả tiền cổ tức		(20,953,065,926)	(46,131,788,152)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17,325,951,876)	36,574,008,773
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4,111,075,599)	(32,314,303,337)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	37,295,304,064	54,187,527,306
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1,068,190,206	1,633,008,085
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	34,252,418,671	23,506,232,054

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Người lập biểu
Trưởng phòng Tài chính
kế toán



Yu Sung Dae

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ), tư vấn, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng, kinh doanh bất động sản dưới hình thức thuê nhà và công trình xây dựng để cho thuê lại tại địa điểm dự án.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và các chi nhánh tại Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai, Bình Dương, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.185 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.199 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty này là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số A408-Hyeondae Knowledge Industry Centre, Số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.500.000 đô la Mỹ (tương đương 34.285.000.000 VND), tương đương với 100% vốn điều lệ vào công ty con này.

Quỹ đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam

Đây là quỹ đầu tư chứng khoán thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận số 36/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 7 năm 2022. Quỹ có trụ sở tại tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Quỹ sẽ thực hiện đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, phần vốn góp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thuộc các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Quỹ đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 80% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 40.000.000.000 VND tương đương với 80% vốn điều lệ vào công ty con này.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty cũng sở hữu khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC-Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Công ty đã hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 29 tháng 7 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 để có được các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2007/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 06/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận là một mục thuộc tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền trong tương lai để chi trả cho nghĩa vụ di dời nêu trên tại thời điểm kết thúc thời hạn thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nhãn hiệu, kênh phân phối

Giá trị nhãn hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu và kênh phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dự chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền vào ngày 2 tháng 6 năm 2021 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian còn lại của hợp đồng thuê và thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 06 tháng cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty ghi nhận một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy. Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận theo giá trị hiện tại của dòng tiền ước tính trong tương lai phải trả cho việc thực hiện nghĩa vụ này. Chi phí này được ghi nhận là một mục thuộc nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc và sẽ được khấu hao theo thời gian thuê của lô đất mà nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng trên đó. Chi phí hoàn trả mặt bằng ước tính sẽ được xem xét lại định kỳ và điều chỉnh phù hợp. Các thay đổi về giá trị tương lai ước tính được cộng thêm hay trừ ra khỏi nguyên giá của tài sản đã ghi nhận.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.18 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng trên 90% tổng doanh thu trong kỳ và tổng tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	134,609,435	147,891,517
Tiền gửi ngân hàng	12,346,445,035	35,301,759,082
Các khoản tương đương tiền (*)	21,771,364,201	1,845,653,465
	34,252,418,671	37,295,304,064

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng hưởng lãi suất 2.4% đến 5,0%/năm (2023: 1.9% đến 3%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	234,371,369,509	234,371,369,509	220,251,937,241	220,251,937,241
	234,371,369,509	234,371,369,509	220,251,937,241	220,251,937,241

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm hưởng lãi suất từ 3,8% đến 7.0%/năm (2023: 5,2% đến 9.5%/năm).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	30/06/2024	01/01/2024
BIANCA FASHION LIMITED / OSPINTER LTD / S&N CAMABI	2,526,772,861	6,280,180
HA HAE CORPORATION	5,751,728,759	303,774,307
TP INC.	2,342,318,577	79,305,592
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH OẢI HƯƠNG	2,705,302,104	3,805,302,104
Cradlewise Manufacturing Pvt Ltd	1,835,456,900	-
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG NÓNG THANH THỦY	4,140,491,212	1,719,952,443
Welcron Global Viet Nam	2,532,398,432	4,098,926,010
Các khoản phải thu khách hàng khác	109,361,329,783	157,108,462,544
	131,195,798,628	167,122,003,180
Dự phòng phải thu khó đòi	(18,219,530,507)	(17,294,003,880)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Trả trước cho nhà cung cấp	16,695,980,185	9,806,656,928
	<u>16,695,980,185</u>	<u>9,806,656,928</u>

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	11,452,992,617
Lãi tiền gửi và cho vay	5,780,363,836	8,564,971,018
Tạm ứng cho nhân viên	4,604,593,755	2,017,353,944
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	10,672,683,336	10,672,683,336
Phải thu ngắn hạn khác	1,150,872,802	437,958,711
	<u>33,558,359,146</u>	<u>33,145,959,626</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11,349,845,417)	(11,452,992,617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,605,726,629	3,092,726,629
	<u>2,605,726,629</u>	<u>3,092,726,629</u>

8. NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá gốc	Giá trị thu hồi	Giá gốc	Giá trị thu hồi
Các khoản phải thu khác	27,375,782,324	9,156,251,817	26,477,342,223	9,183,338,343
Tài sản thiếu chờ xử lý	11,349,845,417	-	11,452,992,617	-
	<u>38,725,627,741</u>	<u>9,156,251,817</u>	<u>37,930,334,840</u>	<u>9,183,338,343</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Hàng mua đang đi đường	1,146,222,105	5,666,521,174
Nguyên liệu, vật liệu	163,546,800,989	172,647,304,717
Thành phẩm	173,201,845,580	175,715,956,308
Hàng hoá	2,659,004,844	3,290,963,915
	<u>340,553,873,518</u>	<u>357,320,746,114</u>
	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu	(19,011,394,537)	(19,011,394,539)
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(11,718,247,987)	(13,101,450,929)
	<u>(30,729,642,524)</u>	<u>(32,112,845,468)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Số đầu	32,112,845,468	29,027,131,064
Cộng dự phòng trong năm		8,145,326,452
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	(1,383,202,944)	(5,059,612,048)
Số cuối	<u>30,729,642,524</u>	<u>32,112,845,468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	355,575,951,432	322,264,009,773	16,334,776,756	44,805,271,238	19,898,170,806	758,878,180,005
Tăng trong kỳ	-	1,055,765,540	55,590,000	-	-	1,111,355,540
Giảm trong kỳ	-	869,585,714	1,293,164,580	2,996,295,279	-	5,159,045,573
Tại ngày 30/06/2024	355,575,951,432	322,450,189,599	15,097,202,176	41,808,975,959	19,898,170,806	754,830,489,972
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	89,096,421,431	273,238,413,848	14,785,276,455	26,312,336,475	18,111,974,552	421,544,422,761
Trích vào chi phí trong kỳ	7,995,789,384	7,055,225,154	339,418,882	1,654,214,943	329,684,778	17,374,333,141
Giảm trong kỳ	-	662,189,286	1,293,164,580	2,855,183,903	-	4,810,537,769
Tại ngày 30/06/2024	97,092,210,815	279,631,449,716	13,831,530,757	25,111,367,515	18,441,659,330	434,108,218,133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	266,479,530,001	49,025,595,925	1,549,500,301	18,492,934,763	1,786,196,254	337,333,757,244
Tại ngày 30/06/2024	258,483,740,617	42,818,739,883	1,265,671,419	16,697,608,444	1,456,511,476	320,722,271,839

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	24,566,385,000	7,831,500,000	7,928,284,189	686,893,687	41,013,062,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2024	24,566,385,000	7,831,500,000	7,928,284,189	686,893,687	41,013,062,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	24,566,385,000	7,831,500,000	7,661,935,907	686,893,687	40,746,714,594
Trích vào chi phí trong năm	-	-	135,823,752	-	135,823,752
Tại ngày 30/06/2024	24,566,385,000	7,831,500,000	7,797,759,659	686,893,687	40,882,538,346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	-	-	266,348,282	-	266,348,282
Tại ngày 30/06/2024	-	-	130,524,530	-	130,524,530

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	74,285,000,000	(15,425,858,966)	74,285,000,000	(15,425,858,966)
Đầu tư vào công ty liên kết	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)
<i>Công ty CP Texpia</i>	11,590,390,000	(11,590,390,000)	11,590,390,000	(11,590,390,000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4,974,200,000	(552,091,513)	4,974,200,000	(552,091,513)
	90,849,590,000	(27,568,340,479)	90,849,590,000	(27,568,340,479)

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán do đó Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ Phần Texpia	44%	44%	44%	44%

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty Cổ phần Texpia không có tài sản hoặc nợ phải trả. Công ty hiện đang làm việc với các cơ quan quản lý để chính thức đóng cửa doanh nghiệp.

12.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2024	01/01/2024
Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4,014,200,000	4,014,200,000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960,000,000	960,000,000
	4,974,200,000	4,974,200,000

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đang nắm giữ 709.600 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh.

(**) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đang nắm giữ 96.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2024	01/01/2024
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	814,166,667	1,329,222,027
Bảo hiểm cháy nổ	488,744,514	
Quảng cáo	-	1,429,052,621
Chi phí khác	746,661,518	412,947,467
	2,049,572,699	3,171,222,115
Dài hạn		
Tiền chuyển quyền sử dụng đất (*)	107,848,996,318	116,148,113,508
Tiền thuê showroom	14,869,464,048	8,211,669,244
Chi phí thi công Showroom, văn phòng	13,228,789,645	11,476,747,723
Phụ tùng máy móc thiết bị quản lý	5,766,533,915	7,470,557,862
Chi phí dài hạn khác	2,002,290,034	2,695,793,460
	143,716,073,960	146,002,881,797

(*) Bao gồm tiền thuê đất trả trước cho mục đích xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai với tổng giá trị là 110.749.580.575 VND và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	43,928,872,771	43,928,872,771	50,319,555,468	50,319,555,468
	43,928,872,771	43,928,872,771	50,319,555,468	50,319,555,468
Phải trả cho bên liên quan (TM 27)	6,288,565,754	6,288,565,754	11,802,502,719	11,802,502,719
Phải trả cho người bán	37,640,307,017	37,640,307,017	38,517,052,749	38,517,052,749

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2024	01/01/2024
Khách hàng trả tiền trước	11,723,178,340	19,186,940,891
	11,723,178,340	19,186,940,891

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	30/06/2024	01/01/2024
Phải thu		
Thuế giá trị gia tăng	3,804,133,406	1,933,661,288
	3,804,133,406	1,933,661,288
Phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	3,399,824,957	2,081,565,965
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,530,278,435
Thuế thu nhập cá nhân	1,016,410,071	1,166,465,650
Các loại thuế khác	159,776,216	98,339,063
	4,576,011,244	6,876,649,113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

Ngắn hạn	30/06/2024	01/01/2024
Lãi vay phải trả	150,298,811	219,539,606
Kinh phí công đoàn	490,406,844	178,522,088
Bảo hiểm xã hội	18,831,119	-
Phải trả- phải nộp khác	242,773,902	354,884,918
	902,310,676	752,946,612
Dài hạn		
Trợ cấp thôi việc	13,932,079,868	13,932,079,868
Phải trả dài hạn khác	10,000,000	510,000,000
	13,942,079,868	14,442,079,868

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30/06/2024	Tăng/ Giảm	01/01/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	152,949,094,779	159,629,027,006	134,501,912,956
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-
	152,949,094,779	159,629,027,006	134,501,912,956
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	30/06/2024	Tăng/ Giảm	01/01/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	80,817,482,227	-	21,500,000,000
	80,817,482,227	-	21,500,000,000

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo	
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	3,418,448,581	USD 134,198.90	Vay ngắn hạn 6 tháng	4.0%	Máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất tại nhà máy Hưng Yên, cũng như các khoản phải thu
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	96,109,143,890	VND 96,109,143,890	Vay ngắn hạn 6 tháng	4.0%-4.3%	Máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất tại nhà máy Hưng Yên, cũng như các khoản phải thu
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	44,550,930,391	VND 44,550,930,391	Vay ngắn hạn 165 ngày	3.80%	Tin chấp
Ngân hàng TNHH Worri Bank	8,870,571,917	VND 8,870,571,914	Vay ngắn hạn 6 tháng	3.9%	Tin chấp. Lãi suất thay đổi theo tháng
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	80,817,482,227	VND 80,817,482,227	Vay dài hạn 7 năm	6.6%	Quyền sử dụng đất và Tài sản cố định hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, Đồng Nai
Trong đó	233,766,577,006				
Vay ngắn hạn	152,949,094,779				
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	80,817,482,227				

Công ty Cổ phần Everpia

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	419,797,730,000	184,195,877,847	-	1,708,511,408	418,558,461,001	1,024,260,580,256
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17,956,269,028	17,956,269,028
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4,578,741,729	(4,578,741,729)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(46,131,788,014)	(46,131,788,014)
Cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(693,847,464)	-	(693,847,464)
Số dư tại ngày 01/01/2024	419,797,730,000	184,195,877,847	-	5,593,405,673	385,804,200,286	995,391,213,806
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(11,964,103,578)	(11,964,103,578)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	891,269,772	(891,269,772)	-
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(20,953,065,925)	(20,953,065,925)
Giảm khác	-	-	-	(1,062,221,073)	-	(1,062,221,073)
Số dư tại ngày 30/06/2024	419,797,730,000	184,195,877,847	-	5,422,454,372	351,995,761,010	961,411,823,229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/ĐHĐCĐ2024/NQ ngày 26 tháng 4 năm 2024, Công ty đã thông qua (i) chia cổ tức bằng tiền mặt ở mức 5% mệnh giá (500 VND/cổ phiếu) và (ii) trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2023 cho quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2024		01/01/2024	
	Tổng	Cổ phiếu phổ thông	Tổng	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847	184,195,877,847
	603,993,607,847	603,993,607,847	603,993,607,847	603,993,607,847

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	20,953,065,925	46,131,788,014
Cổ tức bằng tiền	20,953,065,925	46,131,788,014
Cổ phiếu thưởng		-
Cổ phiếu thưởng từ nguồn cổ phiếu quỹ		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Cổ phiếu

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	225,901.79	272,068.64
- Euro (EUR)	2,513.69	184,740.10

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	<u>6 tháng/ 2024</u>	<u>6 tháng/ 2023</u>
Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm	221,511,830,959	199,490,857,899
Doanh thu thành phẩm bông	93,679,414,582	114,468,310,572
Doanh thu bán khăn	21,230,742,707	35,237,390,152
Doanh thu khác	655,730,767	485,201,672
	<u>337,077,719,015</u>	<u>349,681,760,295</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	567,858,195	706,784,822
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>567,858,195</u>	<u>706,784,822</u>
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>336,509,860,820</u>	<u>348,974,975,473</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	<u>6 tháng/ 2024</u>	<u>6 tháng/ 2023</u>
Lãi tiền gửi	7,708,641,753	14,851,723,420
Lãi từ đầu tư	-	10,435,133,750
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,810,861,453	3,690,368,178
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	440,458,740
Doanh thu tài chính khác	393,750,000	129,828,241
	<u>10,913,253,206</u>	<u>29,547,512,329</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	<u>6 tháng/ 2024</u>	<u>6 tháng/ 2023</u>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	142,423,811,667	132,856,384,265
Giá vốn thành phẩm bông	64,751,223,001	76,002,507,785
Giá vốn hàng khăn	21,822,609,546	36,049,388,374
	<u>228,997,644,214</u>	<u>244,908,280,424</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<u>6 tháng/ 2024</u>	<u>6 tháng/ 2023</u>
Chi phí tiền vay	5,718,710,952	5,934,063,147
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,731,462,068	2,274,856,442
Chi phí tài chính khác	25,000,000	113,141,373
	<u>7,475,173,020</u>	<u>8,322,060,962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6 tháng/ 2024	6 tháng/ 2023
- Chi phí nhân công	33,135,972,793	35,954,492,185
- Chi phí nguyên vật liệu	748,910,308	1,847,276,991
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	483,663,483	513,438,650
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34,308,703,330	27,791,750,210
- Chi phí khác	10,154,520,237	9,152,792,295
	78,831,770,151	75,259,750,331
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	6 tháng/ 2024	6 tháng/ 2023
- Chi phí nhân công	25,775,831,391	23,297,874,433
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4,774,883,721	2,214,794,651
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,482,342,960	9,193,193,063
- Chi phí khác	2,953,784,767	3,284,545,420
	44,986,842,839	37,990,407,567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<u>6 tháng/ 2024</u>	<u>6 tháng/ 2023</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162,203,400,890	185,334,483,616
Chi phí nhân công	94,726,047,593	134,062,884,881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,374,333,141	13,340,560,456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59,677,288,006	39,108,609,687
Chi phí khác bằng tiền	13,149,079,471	12,447,337,712
	<u>347,130,149,101</u>	<u>384,293,876,352</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Năm 2024	Năm 2023
Tài sản thuế hoãn lại				
Dự phòng hàng tồn kho	6,145,928,505	6,422,569,094	(276,640,589)	(144,526,547)
Dự phòng phải thu khó đòi	12,369,751,569	12,205,275,684	164,475,885	537,830,179
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,786,415,974	2,786,415,974	-	(199,119,780)
Chi phí vượt quá thời gian khấu hao	361,205,606	325,819,111	35,386,494	35,386,497
Tổng	21,663,301,655	21,740,079,863	(76,778,209)	229,570,349
Chi phí thuế hoãn lại				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(245,991,101)	(399,872,909)	153,881,809	(246,906,763)
Tổng	(245,991,101)	(399,872,909)	153,881,809	(246,906,763)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh	21,417,310,553	21,340,206,954	77,103,599	(17,336,414)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con
Quỹ Đầu tư cơ hội Mirae Assets	Công ty con
Công ty Cổ phần Textpia	Công ty liên kết
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch
	Phó Giám đốc Chi nhánh
Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
	Thành viên HĐQT
Ông Yu Sung Dae	Phó Giám đốc
	Thành viên HĐQT
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT
Ông Yi Seung Mok	Thành viên HĐQT
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đắc Hương	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Nguyên vật liệu	34,047,067,429	78,688,893,962
		Dịch vụ	3,171,997,375	2,024,141,511

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 12 tháng 12 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối năm của các khoản phải trả với bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Hàng hóa, Dịch vụ	6,288,565,754	11,802,502,719

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty:

Đơn vị tính: VND

	6 tháng/ 2024	6 tháng/ 2023
Lee Jae Eun- Tổng giám đốc	2,896,291,136	2,732,535,734
Cho Yong Hwan- Phó Tổng giám Đốc	1,380,813,884	1,302,564,552
Yu Sung Dae- Phó Tổng giám Đốc	1,428,604,766	1,306,932,906
YI Seung Mok- HĐQT độc lập	21,600,000	-
Lê Khả Tuyên- HĐQT Độc Lập	43,200,000	43,200,000
Trương Tuấn Nghĩa - Trưởng BSK	43,200,000	43,200,000
Ko Tae Yeon- BKS	43,200,000	43,200,000
Nguyễn Đắc Hương- BKS	43,200,000	43,200,000
	5,900,109,786	5,514,833,192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

28. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH TĂNG/ GIẢM CỦA LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Công ty CP Everpia xin giải trình tăng/ giảm của lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch tuyệt đối Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 2	169,099,414,923	199,270,111,615	(30,170,696,692) -15%
Lợi nhuận sau thuế Quý 2	(10,938,858,971)	5,627,939,860	(16,566,798,831) -294%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch tuyệt đối Tăng/(giảm) tỉ lệ
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng 6 tháng	336,509,860,820	348,974,975,473	(12,465,114,653) -4%
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng	(11,964,103,578)	9,743,595,351	(21,707,698,929) -223%

Kinh tế Việt nam đã đi được một nửa chặng đường trong trong cảnh kinh tế còn gặp nhiều khó khăn bấp bênh, đối mặt với rủi ro bất định. Everpia cũng không nằm ngoài sự khó khăn trên. Đây là lần đầu tiên công ty ghi nhận lỗ cho hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng. Năm 2024 cũng là năm đầu tiên EVE có thay đổi trong việc thiết kế sản phẩm mới, thay vì đưa ra một bộ sưu tập chăn ga vào mùa thu (mùa vụ chính) vì công ty đã đưa ra hai bộ sưu tập, SS dành cho mùa xuân hè và FW dành cho mùa thu đông. Thay đổi này là bước đi đầu tiên cho việc đưa mùa vụ chăn ga là cả năm thay vì chỉ bắt đầu từ tháng 7. Điều đó cũng giúp cho doanh thu chăn ga tăng 11% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, thị trường dệt may thế giới cắt giảm nhu cầu đã ảnh hưởng đến các mặt hàng khác của Everpia. Mặt hàng Bông Tắm chỉ đạt 83% doanh thu so với cùng kỳ năm trước (giảm 20 tỷ) trong khi 6 tháng đầu năm là mùa vụ chính của ngành hàng này, mặt hàng khăn lau chỉ đạt 60% so với cùng kỳ do các khó khăn ở thị trường Châu Âu (thị trường xuất khẩu chính của mặt hàng khăn lau). Các khó khăn trên đã khiến cho doanh thu của EVE quý 2 giảm 30 tỷ tương ứng giảm 15%, và 6 tháng giảm 12 tỷ tương ứng giảm 4%

Thị trường tài chính chịu sức ép lãi suất cao, tỷ giá mua đồng USD cao đã khiến cho doanh nghiệp chịu rất nhiều sức ép từ lãi vay cho việc xây dựng nhà máy mới ở Giang Điền cũng như giá đầu vào của nguyên vật liệu nhập khẩu, ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán của EVE và chi phí tài chính tăng. Việc đưa vào hoạt động nhà máy mới ở Giang Điền cũng là nguyên nhân tăng chi phí Quản lý của Doanh nghiệp từ 37 tỷ năm 2023 lên 44 tỷ năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

Các nguyên nhân này đã khiến cho Lợi nhuận quý 2 của doanh nghiệp giảm 16 tỷ tương ứng với 294% và Lợi nhuận 6 tháng của doanh nghiệp giảm 223% tương ứng giảm 21 tỷ so cùng kỳ năm trước

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Người lập biểu
Kê toán Trưởng

Yu Sung Dae

Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính



Lee Jae Eun

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2024